TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hùng Dương;

Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ký Thị Kim H, sinh năm 1985; nơi cư trú: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982; HKTT: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-7-2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Ký Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 182, ngày 16-10-2003), là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó ông T thường xuyên đi nhậu, ghen tuông vô cớ, không đi làm để phụ giúp chăm sóc gia đình do đó bà H và ông T thường xuyên cãi vả. Từ khi bà H nộp đơn khởi kiện vào tháng 7/2020, bà H và ông T đã ly thân. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 (một) con chung là Nguyễn Tấn L, sinh ngày 28-02-2004. Hiện nay, cháu L đang sinh sống với bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ký Thị Kim H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện ông T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; ông T có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H trình bày sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, không có sự tin tưởng, yêu

thương tôn trọng lẫn nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà H và ông T là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình. Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành việc triệu tập đến Toà án làm việc có cơ sở xác định ông T không có thiện chí để hàn gắng mâu thuẫn vợ chồng, bà H và ông T đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Như vậy, ông T đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Tấn L, sinh năm 2004 hiện đang sinh sống với bà H, bà H làm công nhân có thu nhập ổn định. Tại bản tự khai ngày 06-11-2020, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bà H. Căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu L nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tấn L cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ký Thị Kim H đối với ông Nguyễn Tấn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

-Về hôn nhân: Bà Ký Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

-Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tấn L, sinh ngày 28-02-2004 cho bà Ký Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Tấn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ký Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0050433 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án DS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Cường;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân